

HIỆN ĐẠI HÓA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

● VÕ KHÁNH VINH

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa sâu rộng và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước, hiện đại hóa hệ thống pháp luật trở thành yêu cầu có ý nghĩa chiến lược đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cơ sở phân tích nội hàm tính hiện đại của hệ thống pháp luật, bài viết tập trung làm rõ các tiêu chí đánh giá mức độ hiện đại của pháp luật, phân tích thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay và đề xuất các định hướng, giải pháp hiện đại hóa hệ thống pháp luật trong giai đoạn mới. Qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam hiện đại, đồng bộ, minh bạch, khả thi và thích ứng với yêu cầu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Từ khóa: hiện đại hóa pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quản trị quốc gia, chuyển đổi số, phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, cải cách thể chế.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển mạnh sang kỷ nguyên phát triển mới, đặc trưng bởi chuyển đổi số, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa sâu rộng, hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia không chỉ còn là công cụ quản lý xã hội theo nghĩa truyền thống, mà ngày càng trở thành thiết chế nền tảng của quản trị quốc gia hiện đại và động lực thúc đẩy phát triển. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, kinh tế nền tảng cùng với những biến động phức tạp của môi trường quốc tế đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc hệ thống pháp luật theo hướng hiện đại, linh hoạt và có khả năng thích ứng cao.

Ở Việt Nam, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được xác định là một trong những định hướng chiến lược, 1 trong 3 trụ cột xuyên suốt quá trình đổi mới và phát triển đất nước¹. Trong đó, hệ thống pháp luật giữ vai trò trung tâm, vừa là công cụ thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, vừa là khuôn khổ pháp lý bảo đảm, bảo vệ quyền con

người, quyền công dân, đồng thời kiến tạo môi trường ổn định, minh bạch cho phát triển kinh tế - xã hội². Tuy nhiên, trước những đòi hỏi mới của thực tiễn phát triển, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn bộc lộ không ít hạn chế, như: tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật; chất lượng một số quy định còn thấp, thiếu tính dự báo; cơ chế thực thi chưa hiệu quả; đặc biệt là khả năng thích ứng với các mô hình kinh tế mới và công nghệ mới còn chậm³.

Những hạn chế nêu trên không chỉ làm giảm hiệu lực, hiệu quả của pháp luật mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng quản trị quốc gia, môi trường đầu tư kinh doanh và niềm tin của xã hội đối với pháp luật. Trong khi đó, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đòi hỏi hệ thống pháp luật phải đi trước một bước, có khả năng dẫn dắt và định hình các quan hệ xã hội mới, thay vì chỉ phản ứng thụ động trước sự vận động của thực tiễn.

Từ góc độ lý luận, vấn đề đặt ra là cần làm rõ nội hàm của “tính hiện đại” của hệ thống pháp luật như một tiêu chuẩn khoa học để đánh giá và định hướng xây dựng chiến lược phát triển hệ thống pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới. Thực tiễn cho thấy, việc đổi mới hệ thống pháp luật nếu chỉ dừng lại ở sửa đổi, bổ sung từng văn bản riêng lẻ sẽ khó tạo ra sự chuyển biến mang tính hệ thống. Do đó, cần tiếp cận hiện đại hóa pháp luật như một quá trình chuyển đổi toàn diện từ tư duy pháp lý, cấu trúc hệ thống đến phương thức vận hành và nền tảng công nghệ, gắn với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Xuất phát từ những cơ sở đó, nghiên cứu này hướng tới việc: (i) làm rõ nội hàm lý luận của tính hiện đại của hệ thống pháp luật; (ii) xây dựng khung tiêu chí đánh giá mức độ hiện đại của pháp luật; (iii) phân tích thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam trong mối tương quan với các tiêu chí này; và (iv) đề xuất định hướng và giải pháp hiện đại hóa hệ thống pháp luật Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Đối tượng nghiên cứu của nghiên cứu này là hệ thống pháp luật Việt Nam trên cả 3 phương diện: xây dựng pháp luật, tổ chức thực thi và bảo vệ pháp luật. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào giai đoạn hiện nay, đồng thời đặt trong định hướng phát triển dài hạn của đất nước. Về phương pháp, nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh pháp luật, tiếp cận hệ thống và liên ngành, đồng thời chú trọng tiếp cận dựa trên bằng chứng nhằm bảo đảm tính khách quan và độ tin cậy khoa học của các kết luận.

2. Những vấn đề lý luận về tính hiện đại của hệ thống pháp luật

2.1. Khái niệm và bản chất

Trong khoa học pháp lý đương đại, “tính hiện đại của hệ thống pháp luật” không chỉ được hiểu theo nghĩa thời gian (mới - cũ), mà chủ yếu phản ánh trình độ phát triển về chất của pháp luật trong mối quan hệ với sự vận động của xã hội hiện đại. Theo đó, có thể hiểu tính hiện đại của hệ thống pháp luật là trạng thái phát triển cao, trong đó pháp luật đạt tới mức độ hoàn thiện về tính khoa học và hợp lý, cấu trúc hệ thống, hiệu quả vận hành, định hướng giá trị và nền tảng công nghệ, đủ khả năng điều chỉnh và dẫn dắt các quan hệ xã hội trong điều kiện biến đổi nhanh và phức tạp.

Cách tiếp cận này cho thấy, tính hiện đại của hệ thống pháp luật là một phạm trù tổng hợp, đa chiều, bao gồm: (i) tính khoa học và hợp lý trong xây dựng pháp luật; (ii) tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; (iii) hiệu lực, hiệu quả trong thực thi; (iv) định hướng giá trị tiến bộ, lấy con người làm trung tâm; và (v) khả năng ứng dụng công nghệ trong tổ chức và vận hành pháp luật.

Về bản chất, tính hiện đại của hệ thống pháp luật không phải là trạng thái tĩnh, mà là một quá trình vận động và hoàn thiện liên tục, gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, trình độ khoa học - công nghệ và yêu cầu quản trị quốc gia. Do đó, có thể nhận diện bốn đặc trưng cơ bản sau về tính hiện đại của hệ thống pháp luật:

Thứ nhất, tính động

Hệ thống pháp luật hiện đại luôn vận động, biến đổi để thích ứng với sự thay đổi của đời sống xã hội. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp và chuyển đổi số, các quan hệ xã hội mới liên tục hình thành (kinh tế số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo...), đòi hỏi pháp luật phải được cập nhật kịp thời, tránh tình trạng “đi sau thực tiễn”⁴. Tính động thể hiện ở khả năng tự điều chỉnh, tự hoàn thiện của hệ thống pháp luật thông qua cơ chế sửa đổi, bổ sung, giải thích pháp luật và phát triển án lệ.

Thứ hai, tính mở

Tính hiện đại của pháp luật gắn liền với khả năng tiếp nhận có chọn lọc các giá trị pháp luật tiến bộ của nhân loại, đồng thời thích ứng với các chuẩn mực quốc tế. Trong điều kiện hội nhập sâu rộng, hệ thống pháp luật không thể tồn tại như một cấu trúc khép kín, mà phải có khả năng “mở” để: nội luật hóa các cam kết quốc tế; tiếp thu kinh nghiệm lập pháp tiên tiến; tương thích với thông lệ quốc tế. Tính mở cũng thể hiện ở việc pháp luật cho phép các cơ chế linh hoạt, như thử nghiệm chính sách, nhằm xử lý những vấn đề mới chưa có tiền lệ⁵.

Thứ ba, tính liên ngành

Pháp luật hiện đại không còn là sản phẩm thuần túy của khoa học pháp lý, mà là kết quả của sự tương tác giữa nhiều lĩnh vực khoa học, như kinh tế học, công nghệ thông tin, xã hội học, quản trị công... Việc xây dựng và thực hiện pháp luật ngày càng dựa trên các công cụ phân tích hiện đại như: đánh giá tác động chính sách (RIA); phân tích chi phí - lợi ích; dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo. Tính liên ngành giúp pháp luật nâng cao tính khoa học, tính khả thi và hiệu quả điều chỉnh⁶.

Thứ tư, tính hướng tới tương lai

Một hệ thống pháp luật hiện đại không chỉ điều chỉnh các quan hệ hiện tại, mà còn có khả năng dự báo và định hướng sự phát triển của xã hội trong tương lai. Điều này thể hiện ở việc pháp luật: chủ động thiết lập khuôn khổ cho các lĩnh vực mới (công nghệ số, kinh tế xanh...); tạo hành lang pháp lý cho đổi mới sáng tạo; định hình các giá trị phát triển bền vững. Tính hướng tới tương lai giúp pháp luật chuyển từ vai trò “phản ứng” sang “dẫn dắt”, qua đó trở thành công cụ kiến tạo phát triển⁷.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, tính hiện đại của hệ thống pháp luật là sự kết hợp hữu cơ giữa tính khoa học và hợp lý, tính hệ thống, tính hiệu quả, khả năng thích ứng, nền tảng công nghệ và định hướng giá trị tiến bộ. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng để xây dựng các tiêu chí đánh giá và định hướng quá trình hiện đại hóa hệ thống pháp luật Việt Nam trong giai đoạn tới.

2.2. Nội hàm đa tầng tính hiện đại của hệ thống pháp luật

Tính hiện đại của hệ thống pháp luật có nội hàm đa tầng. Đó là:

(1) Hiện đại về tư duy pháp lý: Tầng tư duy pháp lý

Tầng tư duy pháp lý là nền tảng sâu nhất và có tính quyết định đối với mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật. Mọi cải cách về thể chế, kỹ thuật lập pháp hay phương thức thực thi suy cho cùng đều bắt nguồn từ đổi mới trong tư duy pháp lý⁸. Do đó, có thể khẳng định, hiện đại hóa pháp luật, hệ thống pháp luật trước hết là hiện đại hóa tư duy pháp lý.

Thứ nhất, tư duy pháp lý hiện đại đòi hỏi pháp luật phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, hợp lý, dựa trên bằng chứng và dữ liệu, thay vì chủ yếu dựa vào kinh nghiệm hoặc cảm nhận chủ quan. Điều này thể hiện ở việc tăng cường sử dụng các công cụ phân tích hiện đại như đánh giá tác động chính sách, phân tích chi phí - lợi ích, khai thác dữ liệu lớn trong quá trình hoạch định và xây dựng pháp luật⁹. Cách tiếp cận này giúp nâng cao chất lượng quy phạm, bảo đảm tính khách quan, khả thi và hiệu quả điều chỉnh của pháp luật.

Thứ hai, tư duy pháp lý hiện đại phản ánh sự chuyển đổi căn bản từ mô hình “mệnh lệnh - kiểm soát” sang mô hình “quản trị - kiến tạo - phục vụ”. Nếu như trong mô hình truyền thống, pháp luật chủ yếu đóng vai trò là công cụ kiểm soát hành vi thông qua các mệnh lệnh mang tính áp đặt, thì trong bối

cảnh hiện đại, pháp luật được thiết kế như một công cụ quản trị xã hội linh hoạt, hướng tới tạo lập môi trường thuận lợi cho phát triển, khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể¹⁰.

Thứ ba, tư duy pháp lý hiện đại mang tính liên ngành sâu sắc, phản ánh sự giao thoa giữa pháp luật với các lĩnh vực khoa học khác. Việc xây dựng và thực hiện pháp luật ngày nay không thể tách rời các tri thức của kinh tế học, công nghệ thông tin, xã hội học hay khoa học quản trị. Chẳng hạn, trong điều chỉnh các quan hệ kinh tế số hay quản trị dữ liệu, pháp luật cần dựa trên hiểu biết về cấu trúc thị trường, hành vi người dùng và đặc điểm công nghệ. Điều này góp phần nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn và khả năng thích ứng của pháp luật¹¹.

Từ việc phân tích những đặc điểm trên có thể thấy, bản chất của tư duy pháp lý hiện đại là loại bỏ dần yếu tố cảm tính và tùy tiện trong xây dựng và thực hiện pháp luật, hướng tới một hệ thống pháp luật vận hành trên cơ sở khoa học, minh bạch và tối ưu hóa lợi ích xã hội. Đây chính là tiền đề để hình thành các tầng hiện đại tiếp theo của hệ thống pháp luật, như cấu trúc hệ thống, chất lượng quy phạm và hiệu quả thực thi.

(2) Hiện đại về cấu trúc hệ thống pháp luật: Tầng cấu trúc hệ thống

Tầng cấu trúc hệ thống phản ánh trình độ tổ chức nội tại của hệ thống pháp luật, là điều kiện bảo đảm để pháp luật vận hành một cách thống nhất, hiệu quả và bền vững. Một hệ thống pháp luật hiện đại không tồn tại như tập hợp rời rạc các quy phạm, mà phải được thiết kế như một chỉnh thể có cấu trúc logic, liên kết chặt chẽ và có khả năng tự vận động, tự hoàn thiện.

Trước hết, tính hiện đại thể hiện ở tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật. Các quy phạm pháp luật phải được xây dựng trên cùng một nền tảng nguyên tắc, bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo, đồng thời có sự liên kết giữa các ngành luật và lĩnh vực điều chỉnh. Trong điều kiện các quan hệ xã hội ngày càng phức tạp và đan xen, yêu cầu này càng trở nên quan trọng nhằm tránh tình trạng phân mảnh pháp luật và bảo đảm hiệu quả điều chỉnh tổng thể.

Tiếp theo, cấu trúc hệ thống pháp luật hiện đại đòi hỏi sự phân tầng hợp lý về hiệu lực pháp lý. Hiến pháp giữ vị trí tối cao, các đạo luật giữ vai trò trung tâm, và các văn bản dưới luật có chức năng cụ thể hóa, hướng dẫn thi hành. Sự phân tầng rõ ràng này

không chỉ bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp mà còn góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước và nâng cao tính minh bạch trong áp dụng pháp luật¹².

Một biểu hiện quan trọng khác của tính hiện đại là khả năng tự điều chỉnh và tự hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Thông qua các cơ chế như rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa, giải thích pháp luật và sửa đổi, bổ sung văn bản, hệ thống pháp luật có thể kịp thời khắc phục những bất cập, thích ứng với yêu cầu mới của thực tiễn mà không làm gián đoạn tính ổn định của trật tự pháp lý.

Từ các phương diện trên có thể khẳng định, điểm cốt lõi của tính hiện đại ở tầng cấu trúc là việc pháp luật được tổ chức và vận hành như một “hệ thống thông minh”, trong đó các bộ phận cấu thành có sự liên kết hữu cơ, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau. Chính điều này tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật, đồng thời bảo đảm tính ổn định và khả năng phát triển lâu dài của hệ thống pháp luật trong bối cảnh biến đổi nhanh của xã hội hiện đại.

(3) Hiện đại về chất lượng quy phạm: Tầng chất lượng quy phạm

Tầng chất lượng quy phạm phản ánh trực tiếp trình độ hoàn thiện của các quy tắc xử sự pháp lý, là yếu tố quyết định đến khả năng nhận thức, tuân thủ và áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Một hệ thống pháp luật hiện đại không chỉ đòi hỏi cấu trúc hợp lý mà còn phải bảo đảm chất lượng cao của từng quy phạm, qua đó nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều chỉnh¹³.

Trước hết, tính hiện đại thể hiện ở tính minh bạch và rõ ràng của quy phạm pháp luật. Các quy định phải được diễn đạt chính xác, dễ hiểu, hạn chế tối đa cách hiểu khác nhau, bảo đảm để các chủ thể có thể tiếp cận và thực hiện một cách thuận lợi. Tính minh bạch không chỉ là yêu cầu kỹ thuật xây dựng pháp luật, nhất là kỹ thuật lập pháp mà còn là điều kiện quan trọng để bảo đảm tính công khai, trách nhiệm giải trình và niềm tin của xã hội đối với pháp luật.

Cùng với đó, quy phạm pháp luật hiện đại phải có khả năng dự đoán được. Các chủ thể trong xã hội cần có khả năng dự liệu hậu quả pháp lý của hành vi, từ đó chủ động điều chỉnh hành vi phù hợp với quy định của pháp luật. Tính dự đoán được góp phần tạo lập môi trường pháp lý ổn định, an toàn, đặc biệt quan trọng đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh và đổi mới sáng tạo¹⁴.

Một đặc trưng quan trọng khác là sự kết hợp giữa tính ổn định và tính linh hoạt của quy phạm pháp luật. Pháp luật cần có độ ổn định nhất định để bảo

đảm tính nhất quán và độ tin cậy, song đồng thời phải đủ linh hoạt để thích ứng với những biến đổi nhanh của đời sống xã hội. Sự cân bằng giữa hai yếu tố này là biểu hiện rõ nét của trình độ phát triển cao của kỹ thuật lập pháp.

Trong xu hướng hiện đại, chất lượng quy phạm pháp luật ngày càng được nâng cao thông qua việc tăng cường sử dụng các quy phạm khung và quy phạm nguyên tắc, thay vì quy định quá chi tiết và cứng nhắc. Cách tiếp cận này cho phép pháp luật vừa bảo đảm định hướng chung, vừa tạo không gian linh hoạt cho việc áp dụng trong các tình huống đa dạng của thực tiễn. Đồng thời, việc giảm bớt các quy định chi tiết không cần thiết cũng góp phần hạn chế tình trạng nhanh chóng lạc hậu của pháp luật trong bối cảnh biến đổi nhanh của xã hội hiện đại¹⁵.

Từ đó có thể khẳng định, tính hiện đại ở tầng chất lượng quy phạm thể hiện ở khả năng xây dựng các quy tắc pháp lý rõ ràng, dễ hiểu, có thể dự đoán, ổn định nhưng không cứng nhắc, qua đó bảo đảm pháp luật thực sự trở thành công cụ điều chỉnh hiệu quả và thích ứng với sự phát triển của xã hội.

(4) Hiện đại về hiệu quả thực hiện: Tầng vận hành

Tầng vận hành phản ánh khả năng hiện thực hóa các quy phạm pháp luật trong đời sống xã hội, là thước đo trực tiếp đối với giá trị và sức sống của hệ thống pháp luật. Một hệ thống pháp luật hiện đại không chỉ dừng lại ở việc ban hành các quy định có chất lượng, mà quan trọng hơn là phải bảo đảm hiệu lực và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Trước hết, tính hiện đại thể hiện ở hiệu lực và hiệu quả thực hiện pháp luật. Hiệu lực được hiểu là mức độ tuân thủ pháp luật của các chủ thể trong xã hội, còn hiệu quả phản ánh khả năng đạt được các mục tiêu điều chỉnh với chi phí thấp nhất. Pháp luật chỉ thực sự có ý nghĩa khi các quy định được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, thống nhất và mang lại kết quả tích cực trong quản lý xã hội và phát triển kinh tế - xã hội¹⁶.

Tiếp đến, một tiêu chí quan trọng của pháp luật hiện đại là giảm thiểu chi phí tuân thủ. Hệ thống pháp luật cần được thiết kế theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận, dễ thực hiện, hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp, qua đó giảm gánh nặng cho người dân và doanh nghiệp. Việc tối ưu hóa chi phí tuân thủ không chỉ nâng cao hiệu quả của pháp luật mà còn góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Một khía cạnh không kém phần quan trọng là tăng cường niềm tin của xã hội đối với pháp luật. Khi pháp luật được thực thi công bằng, minh bạch và nhất quán, các chủ thể sẽ hình thành niềm tin vào tính công lý và tính dự đoán của hệ thống pháp luật. Ngược lại, nếu việc thực thi thiếu nghiêm minh hoặc không đồng đều, niềm tin xã hội sẽ bị suy giảm, kéo theo hiệu quả điều chỉnh của pháp luật bị hạn chế.

Từ những phân tích trên có thể thấy, bản chất của tính hiện đại ở tầng vận hành là bảo đảm để pháp luật thực sự “sống” trong đời sống xã hội, chứ không chỉ “tồn tại” trên văn bản. Điều này đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa chất lượng quy phạm, năng lực của các thiết chế thực thi và mức độ tuân thủ của xã hội, qua đó biến pháp luật thành công cụ quản trị hiệu quả và đáng tin cậy trong điều kiện phát triển mới.

(5) Hiện đại về năng lực thích ứng: Tầng thích ứng

Tầng thích ứng phản ánh khả năng phản ứng và điều chỉnh của hệ thống pháp luật trước những biến đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và toàn cầu hóa. Đây là một trong những tiêu chí cốt lõi để phân biệt giữa pháp luật truyền thống và pháp luật hiện đại.

Trước hết, tính hiện đại thể hiện ở khả năng phản ứng nhanh với biến đổi của thực tiễn. Trong điều kiện các mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới và quan hệ xã hội mới liên tục xuất hiện, pháp luật cần được thiết kế theo hướng có thể kịp thời điều chỉnh, hạn chế độ trễ giữa quy định pháp lý và thực tiễn phát triển. Điều này đòi hỏi nâng cao năng lực dự báo chính sách và rút ngắn chu trình xây dựng, sửa đổi pháp luật¹⁷.

Một biểu hiện quan trọng của năng lực thích ứng là việc thiết lập các cơ chế thử nghiệm chính sách. Thông qua các cơ chế này, Nhà nước có thể cho phép áp dụng thí điểm các mô hình mới trong phạm vi và thời gian nhất định, từ đó đánh giá tác động trước khi ban hành quy định chính thức. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu rủi ro, đồng thời tạo không gian cho đổi mới sáng tạo phát triển¹⁸.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện đại đòi hỏi phải chấp nhận tính “mở” và “linh hoạt có kiểm soát”. Thay vì xây dựng các quy định cứng nhắc, pháp luật cần thiết kế các khuôn khổ mang tính nguyên tắc, cho phép cơ quan áp dụng có thể linh hoạt xử lý các tình huống đa dạng, nhưng vẫn bảo đảm trong giới hạn của pháp luật và chịu sự kiểm soát quyền lực. Sự kết hợp giữa

linh hoạt và kiểm soát là yếu tố then chốt để duy trì cân bằng giữa đổi mới và ổn định.

Từ đó có thể khẳng định, tính hiện đại ở tầng thích ứng thể hiện ở việc hệ thống pháp luật có khả năng phản ứng nhanh, linh hoạt nhưng có kiểm soát đối với những biến đổi của xã hội, qua đó không chỉ theo kịp mà còn tạo điều kiện cho các xu hướng phát triển mới. Đây chính là tiêu chí quan trọng phân biệt pháp luật hiện đại với mô hình pháp luật truyền thống vốn mang tính ổn định cao nhưng kém linh hoạt.

(6) Hiện đại về công nghệ pháp lý: Tầng công nghệ pháp lý

Tầng công nghệ pháp lý phản ánh mức độ ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ trong xây dựng, tổ chức thực thi và tiếp cận pháp luật, là một trong những biểu hiện nổi bật của tính hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản phương thức tồn tại và vận hành của hệ thống pháp luật.

Trước hết, tính hiện đại thể hiện ở việc số hóa toàn bộ hệ thống pháp luật. Các văn bản quy phạm pháp luật được chuẩn hóa, số hóa và tích hợp trên các nền tảng điện tử, cho phép truy cập nhanh chóng, thuận tiện và thống nhất. Việc số hóa không chỉ nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp, mà còn tạo nền tảng cho việc quản lý, khai thác và sử dụng thông tin pháp lý một cách hiệu quả.

Tiếp theo, việc xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia là một yêu cầu quan trọng của pháp luật hiện đại. Một hệ thống dữ liệu pháp lý tập trung, đầy đủ và được cập nhật thường xuyên sẽ giúp bảo đảm tính minh bạch, thống nhất của pháp luật, đồng thời hỗ trợ quá trình xây dựng, áp dụng và giám sát pháp luật. Đây cũng là nền tảng để phát triển các dịch vụ công pháp lý và nâng cao chất lượng quản trị nhà nước¹⁹.

Cùng với đó, tính hiện đại còn thể hiện ở việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong lĩnh vực pháp luật. Các công nghệ này có thể được sử dụng để hỗ trợ phân tích chính sách, dự báo xu hướng pháp lý, rà soát xung đột pháp luật, cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp tăng hiệu suất mà còn góp phần nâng cao tính khách quan và độ chính xác trong quá trình ra quyết định²⁰.

Từ những phương diện trên có thể thấy, bản chất của tính hiện đại ở tầng công nghệ pháp lý là sự chuyển đổi từ mô hình pháp luật truyền thống dựa trên “văn bản giấy” sang “hệ sinh thái pháp luật số”,

trong đó thông tin pháp lý được kết nối, chia sẻ và khai thác một cách thông minh. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong kỷ nguyên số.

(7) Hiện đại về giá trị: Tầng giá trị

Tầng giá trị phản ánh định hướng chuẩn mực và mục tiêu cuối cùng của hệ thống pháp luật, là yếu tố bảo đảm cho pháp luật không chỉ hiệu quả về mặt kỹ thuật mà còn chính đáng về mặt xã hội. Một hệ thống pháp luật hiện đại không thể tách rời các giá trị tiên bộ, trong đó nổi bật là lấy con người làm trung tâm, bảo đảm, bảo vệ quyền con người và hướng tới công bằng, phát triển bền vững.

Thứ nhất, tính hiện đại thể hiện ở việc lấy con người làm trung tâm của pháp luật. Pháp luật không chỉ là công cụ quản lý của Nhà nước mà còn là phương tiện bảo đảm, bảo vệ và phát triển con người. Mọi quy định pháp luật cần hướng tới việc bảo đảm điều kiện để cá nhân được phát triển toàn diện, tham gia vào đời sống xã hội một cách bình đẳng và tự do trong khuôn khổ pháp luật²¹.

Thứ hai, một nội dung cốt lõi của tầng giá trị là bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là giới hạn của quyền lực nhà nước. Hệ thống pháp luật hiện đại phải thiết lập các cơ chế pháp lý hiệu quả nhằm tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền cơ bản của con người, đồng thời kiểm soát việc thực thi quyền lực công để ngăn ngừa lạm quyền²².

Thứ ba, pháp luật hiện đại cần hướng tới công bằng xã hội và phát triển bền vững. Công bằng không chỉ được hiểu là sự bình đẳng về mặt hình thức, mà còn bao hàm việc bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng đối với các nguồn lực phát triển, đặc biệt đối với các nhóm yếu thế. Đồng thời, pháp luật phải góp phần điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong dài hạn.

Từ đó có thể khẳng định, tính hiện đại ở tầng giá trị chính là “linh hồn” của hệ thống pháp luật, bảo đảm cho pháp luật không rơi vào khuynh hướng kỹ thuật thuần túy, mà luôn gắn với mục tiêu phục vụ con người và sự phát triển tiến bộ của xã hội.

(8) Hiện đại về tính hội nhập: Tầng hội nhập quốc tế

Tầng hội nhập quốc tế phản ánh mức độ gắn kết

và tương tác của hệ thống pháp luật quốc gia với trật tự pháp lý toàn cầu, là một phương diện quan trọng của tính hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng giữa các quốc gia. Một hệ thống pháp luật hiện đại không thể tồn tại biệt lập, mà cần được xây dựng trên cơ sở tương thích với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời chủ động tham gia vào quá trình hình thành các quy tắc chung của cộng đồng quốc tế.

Trước hết, tính hiện đại thể hiện ở mức độ tương thích với các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Hệ thống pháp luật quốc gia cần được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ quốc tế phổ biến, đặc biệt trong các lĩnh vực như thương mại, đầu tư, quyền con người và bảo vệ môi trường. Sự tương thích này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế mà còn nâng cao uy tín và vị thế của quốc gia trong quan hệ quốc tế²³.

Tiếp theo, pháp luật hiện đại đòi hỏi quốc gia phải chủ động tham gia vào quá trình xây dựng và định hình trật tự pháp lý toàn cầu. Điều này thể hiện ở việc tham gia đàm phán, ký kết và thực thi các điều ước quốc tế, cũng như đóng góp vào việc phát triển các chuẩn mực pháp lý chung. Thông qua đó, pháp luật quốc gia không chỉ “tiếp nhận” mà còn “định hình” các quy tắc quốc tế, phù hợp với lợi ích và định hướng phát triển của đất nước²⁴.

Sau cùng, một yêu cầu cốt lõi của tính hội nhập là nội luật hóa hiệu quả các cam kết quốc tế. Việc chuyển hóa các quy định của điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia cần được thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ và phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước. Điều này bảo đảm tính thống nhất giữa nghĩa vụ quốc tế và pháp luật quốc gia, đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết quốc tế²⁵.

Việc phân tích trên cho thấy, tính hiện đại ở tầng hội nhập không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu các chuẩn mực bên ngoài, mà còn thể hiện ở năng lực chủ động tham gia và đóng góp vào trật tự pháp lý toàn cầu. Ở góc độ tổng thể, đây chính là một trong những yếu tố cốt lõi bảo đảm cho hệ thống pháp luật phát triển cân bằng giữa tính kỹ thuật và định hướng giá trị, qua đó tránh rơi vào khuynh hướng kỹ trị thuần túy và khẳng định vai trò của pháp luật như một công cụ thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng²⁶.

2.3. Mô hình lý luận: “8 trụ cột của hệ thống pháp luật hiện đại”

Trên cơ sở phân tích nội hàm đa tầng của tính hiện đại của hệ thống pháp luật, có thể khái quát

thành một mô hình lý luận tổng hợp gồm “8 trụ cột của hệ thống pháp luật hiện đại”. Mô hình này không chỉ giúp hệ thống hóa các phương diện cấu thành tính hiện đại, mà còn cung cấp một khung phân tích khoa học để đánh giá và định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Thứ nhất, nhóm trụ cột nền tảng bao gồm tính khoa học, tính hợp lý và tính hệ thống. Đây là cơ sở nhận thức và cấu trúc của hệ thống pháp luật, bảo đảm cho hệ thống pháp luật được xây dựng trên nền tảng khoa học, logic, đồng thời có sự thống nhất và đồng bộ nội tại. Hai trụ cột này giữ vai trò định hình “bộ khung” của hệ thống pháp luật, quyết định chất lượng tổng thể của toàn bộ hệ thống.

Thứ hai, nhóm trụ cột vận hành gồm tính minh bạch và tính hiệu lực, hiệu quả. Đây là những yếu tố phản ánh khả năng pháp luật đi vào đời sống xã hội, bảo đảm để các quy phạm được hiểu đúng, áp dụng thống nhất và mang lại kết quả thực chất trong quản trị quốc gia. Nhóm trụ cột này thể hiện trực tiếp giá trị thực tiễn của pháp luật, là cầu nối giữa quy định pháp lý và hành vi xã hội.

Thứ ba, nhóm trụ cột thích ứng bao gồm tính linh hoạt và tính số hóa. Trong bối cảnh chuyển đổi số và biến đổi nhanh của các quan hệ xã hội, pháp luật cần có khả năng thích ứng cao, vừa linh hoạt trong thiết kế và áp dụng, vừa dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại. Hai trụ cột này giúp hệ thống pháp luật vượt qua hạn chế của mô hình truyền thống, nâng cao khả năng phản ứng và dẫn dắt các xu hướng phát triển mới.

Thứ tư, nhóm trụ cột giá trị gồm tính nhân văn và tính hội nhập. Đây là những yếu tố định hướng mục tiêu và giá trị của pháp luật, bảo đảm cho hệ thống pháp luật không chỉ hiệu quả về mặt kỹ thuật mà còn chính đáng về mặt xã hội và phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới. Nhóm trụ cột này thể hiện rõ vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm, bảo vệ con người, quyền con người, thúc đẩy công bằng và hội nhập quốc tế.

Như vậy, mô hình “8 trụ cột” cho thấy tính hiện đại của hệ thống pháp luật là sự kết hợp hữu cơ giữa nền tảng khoa học - cấu trúc hệ thống - hiệu quả vận hành - năng lực thích ứng - định hướng giá trị. Các trụ cột này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

Do đó, có thể khẳng định, mô hình “8 trụ cột của hệ thống pháp luật hiện đại” chính là khung lý thuyết trung tâm của nghiên cứu, làm cơ sở để xây dựng tiêu

chí đánh giá, phân tích thực trạng và đề xuất định hướng, giải pháp hiện đại hóa hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

3. Tiêu chí đánh giá mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật

Việc đánh giá mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật phải dựa vào các tiêu chí nhất định. Đó là các nhóm tiêu chí sau:

3.1. Nhóm tiêu chí cấu trúc

Nhóm tiêu chí cấu trúc phản ánh mức độ hoàn thiện về tổ chức nội tại của hệ thống pháp luật, là cơ sở để bảo đảm tính thống nhất, ổn định và hiệu quả vận hành của toàn bộ hệ thống. Trong đó, hai tiêu chí cốt lõi là mức độ thống nhất, đồng bộ và tình trạng chồng chéo, xung đột của các quy phạm pháp luật.

Thứ nhất, mức độ thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật thể hiện ở sự phù hợp, liên kết và nhất quán giữa các quy phạm pháp luật trong toàn bộ hệ thống. Một hệ thống pháp luật hiện đại đòi hỏi các quy định phải được xây dựng trên cùng một nền tảng nguyên tắc, bảo đảm sự hài hoà giữa các ngành luật, lĩnh vực pháp luật, cũng như giữa các cấp độ văn bản. Tính thống nhất và đồng bộ không chỉ giúp nâng cao hiệu lực pháp lý mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật một cách nhất quán và minh bạch.

Thứ hai, tình trạng chồng chéo, xung đột của các quy phạm pháp luật là một chỉ báo quan trọng để đánh giá mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật. Sự chồng chéo hoặc mâu thuẫn giữa các quy định không chỉ làm giảm tính rõ ràng, minh bạch của pháp luật mà còn gây khó khăn cho quá trình thực hiện, làm gia tăng chi phí tuân thủ và tạo ra rủi ro pháp lý cho các chủ thể. Do đó, một hệ thống pháp luật hiện đại phải hạn chế tối đa tình trạng này thông qua việc nâng cao chất lượng lập pháp, tăng cường rà soát, hệ thống hóa và pháp điển hóa pháp luật.

Từ đó có thể thấy, nhóm tiêu chí cấu trúc đóng vai trò nền tảng trong việc đánh giá mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật, bởi lẽ chỉ khi bảo đảm được tính thống nhất và loại trừ các xung đột nội tại, hệ thống pháp luật mới có thể vận hành hiệu quả và phát huy vai trò điều chỉnh xã hội trong điều kiện phát triển mới.

3.2. Nhóm tiêu chí chất lượng quy phạm

Nhóm tiêu chí chất lượng quy phạm phản ánh trình độ hoàn thiện của các quy tắc xử sự pháp lý, là cơ sở để bảo đảm pháp luật có thể được nhận thức đúng, áp dụng thống nhất và tuân thủ hiệu quả trong

thực tiễn. 3 tiêu chí cốt lõi trong nhóm này bao gồm tính minh bạch, khả năng dự đoán và tính ổn định của quy phạm pháp luật.

Thứ nhất, tính minh bạch của quy phạm pháp luật thể hiện ở sự rõ ràng, dễ hiểu và dễ tiếp cận của các quy định pháp luật. Quy phạm phải được diễn đạt chính xác, hạn chế tối đa cách hiểu khác nhau, đồng thời được công bố công khai, kịp thời để các chủ thể có thể tiếp cận và thực hiện. Tính minh bạch không chỉ là yêu cầu của kỹ thuật lập pháp mà còn là điều kiện quan trọng để bảo đảm trách nhiệm giải trình và nâng cao niềm tin của xã hội đối với pháp luật.

Thứ hai, khả năng dự đoán của quy phạm pháp luật là tiêu chí phản ánh mức độ mà các chủ thể có thể dự liệu trước hậu quả pháp lý của hành vi. Một hệ thống pháp luật hiện đại phải cho phép cá nhân, tổ chức xác định rõ quyền, nghĩa vụ và rủi ro pháp lý, từ đó chủ động điều chỉnh hành vi. Khả năng dự đoán cao góp phần tạo lập môi trường pháp lý ổn định, an toàn, đặc biệt quan trọng đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, tính ổn định của quy phạm pháp luật là yếu tố bảo đảm sự nhất quán và độ tin cậy của hệ thống pháp luật trong dài hạn. Pháp luật cần có độ ổn định nhất định để các chủ thể có thể yên tâm thực hiện các kế hoạch dài hạn. Tuy nhiên, tính ổn định không đồng nghĩa với sự bất biến, mà phải được đặt trong mối quan hệ hài hoà với yêu cầu đổi mới, bảo đảm pháp luật vừa bền vững vừa có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thực tiễn.

Trên cơ sở phân tích có thể khẳng định, nhóm tiêu chí chất lượng quy phạm giữ vai trò then chốt trong việc đánh giá mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật, bởi lẽ chỉ khi các quy phạm đạt được sự minh bạch, có thể dự đoán và ổn định, pháp luật mới có thể phát huy hiệu quả điều chỉnh và tạo dựng niềm tin trong xã hội.

3.3. Nhóm tiêu chí hiệu quả thực thi

Nhóm tiêu chí hiệu quả thực thi phản ánh mức độ hiện thực hóa các quy phạm pháp luật trong đời sống xã hội, là thước đo trực tiếp đối với giá trị và sức sống của hệ thống pháp luật. Một hệ thống pháp luật hiện đại không chỉ được đánh giá qua chất lượng văn bản, mà quan trọng hơn là mức độ tuân thủ, chi phí thực thi và niềm tin của xã hội đối với pháp luật.

Thứ nhất, tỷ lệ tuân thủ pháp luật là tiêu chí cơ bản phản ánh hiệu lực của hệ thống pháp luật. Mức độ tuân thủ cao cho thấy, các quy định pháp luật phù hợp với thực tiễn, dễ hiểu, dễ thực hiện và được các chủ

thể tự giác chấp hành. Ngược lại, tỷ lệ tuân thủ thấp có thể là dấu hiệu của những bất cập trong nội dung quy phạm, cơ chế thực thi hoặc mức độ chấp nhận của xã hội.

Thứ hai, chi phí thực thi pháp luật là tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả của hệ thống pháp luật. Chi phí này bao gồm chi phí của Nhà nước trong tổ chức thực thi, cũng như chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp. Một hệ thống pháp luật hiện đại phải hướng tới tối ưu hóa các chi phí này, thông qua việc đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý và ứng dụng công nghệ, từ đó giảm gánh nặng cho các chủ thể trong xã hội.

Thứ ba, niềm tin của xã hội đối với pháp luật là tiêu chí mang tính tổng hợp, phản ánh mức độ chính đáng và hiệu quả của hệ thống pháp luật. Khi pháp luật được xây dựng và thực thi một cách công bằng, minh bạch và nhất quán, các chủ thể sẽ hình thành niềm tin vào tính công lý và khả năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của pháp luật. Ngược lại, nếu việc thực thi thiếu nghiêm minh hoặc không đồng đều, niềm tin xã hội sẽ bị suy giảm, kéo theo hiệu quả điều chỉnh của pháp luật bị hạn chế.

Như vậy, nhóm tiêu chí hiệu quả thực thi là thước đo trực tiếp và toàn diện về mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật, bởi lẽ pháp luật chỉ thực sự có giá trị khi được tuân thủ rộng rãi, vận hành với chi phí hợp lý và nhận được sự tin tưởng của xã hội.

3.4. Nhóm tiêu chí thích ứng

Nhóm tiêu chí thích ứng phản ánh năng lực của hệ thống pháp luật trong việc phản ứng và điều chỉnh kịp thời trước những biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và sự xuất hiện liên tục của các mô hình phát triển mới. Đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hiện đại của pháp luật, bởi lẽ pháp luật chỉ thực sự hiệu quả khi có khả năng theo kịp và định hướng thực tiễn.

Thứ nhất, tốc độ phản ứng chính sách là một chỉ báo quan trọng của năng lực thích ứng. Tiêu chí này phản ánh khoảng thời gian từ khi phát sinh vấn đề trong thực tiễn đến khi pháp luật có sự điều chỉnh tương ứng. Một hệ thống pháp luật hiện đại cần rút ngắn độ trễ này thông qua việc nâng cao năng lực dự báo, cải tiến quy trình xây dựng pháp luật và tăng cường các cơ chế điều chỉnh linh hoạt. Tốc độ phản ứng nhanh giúp hạn chế khoảng trống pháp lý, giảm thiểu rủi ro và tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển ổn định.

Thứ hai, mức độ điều chỉnh các lĩnh vực mới là tiêu chí phản ánh phạm vi và khả năng bao phủ của hệ thống pháp luật đối với các quan hệ xã hội mới phát sinh. Trong bối cảnh kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các mô hình kinh doanh mới, pháp luật cần kịp thời thiết lập khuôn khổ pháp lý phù hợp để vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa kiểm soát các rủi ro phát sinh. Mức độ điều chỉnh cao đối với các lĩnh vực mới cho thấy hệ thống pháp luật có khả năng thích ứng tốt và đóng vai trò dẫn dắt phát triển.

Từ đó có thể khẳng định, nhóm tiêu chí thích ứng là thước đo quan trọng về tính hiện đại của hệ thống pháp luật, thể hiện ở khả năng phản ứng nhanh, bao phủ kịp thời các lĩnh vực mới và giảm thiểu độ trễ giữa pháp luật và thực tiễn, qua đó nâng cao vai trò của pháp luật như một công cụ điều chỉnh và định hướng phát triển trong điều kiện biến đổi nhanh của xã hội.

3.5. Nhóm tiêu chí số hóa

Nhóm tiêu chí số hóa phản ánh mức độ ứng dụng công nghệ số trong xây dựng, quản lý, khai thác và thực thi pháp luật, là một chỉ báo quan trọng của tính hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Một hệ thống pháp luật hiện đại không chỉ tồn tại dưới dạng văn bản truyền thống, mà còn phải được tổ chức và vận hành trên nền tảng số, dữ liệu và kết nối thông minh.

Thứ nhất, mức độ số hóa pháp luật là tiêu chí phản ánh việc chuyển đổi các văn bản và quy trình pháp lý từ dạng truyền thống sang môi trường điện tử. Điều này bao gồm việc chuẩn hóa, số hóa và tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật trên các hệ thống thông tin, bảo đảm khả năng truy cập nhanh chóng, thuận tiện và chính xác cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Mức độ số hóa cao không chỉ nâng cao tính minh bạch mà còn góp phần giảm chi phí tuân thủ và tăng hiệu quả thực thi pháp luật.

Thứ hai, hạ tầng dữ liệu pháp lý là tiêu chí phản ánh năng lực xây dựng, quản lý và khai thác các nguồn dữ liệu pháp luật. Một hệ thống pháp luật hiện đại đòi hỏi phải có cơ sở dữ liệu pháp lý tập trung, đầy đủ, được cập nhật thường xuyên và có khả năng kết nối, chia sẻ giữa các cơ quan, tổ chức. Hạ tầng dữ liệu pháp lý vững mạnh là nền tảng để phát triển các ứng dụng công nghệ như phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và cung cấp dịch vụ công pháp lý trên môi trường số.

Như vậy, nhóm tiêu chí số hóa phản ánh bước chuyển quan trọng của hệ thống pháp luật từ mô hình truyền thống sang mô hình pháp luật số, trong đó dữ

liệu và công nghệ trở thành yếu tố cốt lõi. Đây là điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong kỷ nguyên số.

3.6. Nhóm tiêu chí giá trị

Nhóm tiêu chí giá trị phản ánh định hướng chuẩn mực và mục tiêu phát triển của hệ thống pháp luật, là cơ sở để đánh giá tính chính đáng và tính nhân văn của pháp luật trong một xã hội hiện đại. Một hệ thống pháp luật không chỉ cần hiệu quả về mặt kỹ thuật, mà còn phải bảo đảm các giá trị cốt lõi như quyền con người, công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Thứ nhất, mức độ bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân là tiêu chí trung tâm của nhóm giá trị. Pháp luật hiện đại phải thiết lập các khuôn khổ pháp lý rõ ràng nhằm tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ các quyền cơ bản của con người, đồng thời kiểm soát quyền lực nhà nước để ngăn ngừa lạm quyền. Tiêu chí này được thể hiện thông qua việc ghi nhận quyền trong pháp luật, thiết lập cơ chế bảo vệ quyền và bảo đảm khả năng tiếp cận công lý của các chủ thể.

Thứ hai, mức độ bảo đảm công bằng xã hội là tiêu chí phản ánh vai trò điều tiết của pháp luật trong việc phân bổ lợi ích và cơ hội phát triển. Công bằng không chỉ dừng lại ở sự bình đẳng về mặt hình thức, mà còn bao hàm việc tạo điều kiện cho các nhóm yếu thế tiếp cận nguồn lực và cơ hội một cách hợp lý. Một hệ thống pháp luật hiện đại cần hướng tới giảm thiểu bất bình đẳng và bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội.

Thứ ba, mức độ hướng tới phát triển bền vững là tiêu chí thể hiện tầm nhìn dài hạn của pháp luật. Pháp luật cần điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định xã hội, bảo đảm lợi ích không chỉ cho thế hệ hiện tại mà còn cho các thế hệ tương lai. Đây là yêu cầu ngày càng quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các thách thức toàn cầu hiện nay.

Từ đó có thể khẳng định rằng, nhóm tiêu chí giá trị giữ vai trò định hướng đối với toàn bộ hệ thống pháp luật, bảo đảm cho pháp luật không chỉ là công cụ quản lý mà còn là thiết chế phục vụ con người, thúc đẩy công bằng và phát triển bền vững, phù hợp với yêu cầu của một xã hội hiện đại.

3.7. Nhóm tiêu chí hội nhập

Nhóm tiêu chí hội nhập phản ánh mức độ gắn kết của hệ thống pháp luật quốc gia với trật tự pháp lý quốc tế, là thước đo quan trọng của tính hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng. Một hệ

thống pháp luật hiện đại không chỉ đáp ứng yêu cầu trong nước mà còn phải tương thích với các chuẩn mực quốc tế và thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế.

Thứ nhất, mức độ tương thích quốc tế của hệ thống pháp luật là tiêu chí phản ánh sự phù hợp của pháp luật quốc gia với các nguyên tắc, chuẩn mực và thông lệ pháp lý quốc tế. Sự tương thích này được thể hiện thông qua việc nội luật hóa các điều ước quốc tế, hài hòa hóa pháp luật với các tiêu chuẩn quốc tế, cũng như bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật trong nước và nghĩa vụ quốc tế. Mức độ tương thích cao không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế mà còn nâng cao uy tín và vị thế của quốc gia trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, hiệu quả thực thi các cam kết quốc tế là

tiêu chí phản ánh năng lực chuyển hóa và hiện thực hóa các nghĩa vụ quốc tế trong thực tiễn. Việc tham gia các điều ước quốc tế chỉ thực sự có ý nghĩa khi các cam kết được thực thi đầy đủ, nghiêm túc và nhất quán trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tiêu chí này thể hiện qua việc hoàn thiện pháp luật nội địa, tổ chức thực thi hiệu quả và bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các nghĩa vụ quốc tế²⁷.

Từ đó có thể khẳng định, nhóm tiêu chí hội nhập là thước đo quan trọng đánh giá mức độ hiện đại của hệ thống pháp luật, thể hiện ở khả năng hài hòa với chuẩn mực quốc tế và thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy hội nhập sâu rộng và phát triển bền vững của quốc gia trong môi trường toàn cầu.

(Xem tiếp Số 13/2026)

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.

³ Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

⁴ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Klaus Schwab, The Fourth Industrial Revolution, World Economic Forum, 2016.

⁵ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới; World Bank, Governance and the Law, World Development Report, 2017.

⁶ Võ Khánh Vinh, Luật học và phương pháp luận nghiên cứu luật học, Giáo trình sau đại học, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2025; Cass R. Sunstein, The Cost-Benefit Revolution, MIT Press, 2018.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2026; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

⁸ Võ Khánh Vinh chủ biên và tác giả, Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, Nxb. Khoa học xã hội, 2020, (Chuyên khảo); Võ Khánh Vinh, Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11+12/2025; Võ Khánh Vinh, Đổi mới tư duy thi hành pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước: suy nghĩ bước đầu, Tạp chí Pháp lý, số 1+2/2026.

⁹ Cass R. Sunstein, The Cost-Benefit Revolution, MIT Press, 2018.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2026; OECD, Regulatory Policy Outlook, OECD Publishing, 2021.

¹¹ Võ Khánh Vinh, Luật học và phương pháp luận nghiên cứu luật học, Giáo trình sau đại học, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2025.

¹² Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

¹³ Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

¹⁴ World Bank, Governance and the Law, World Development Report, 2017.

¹⁵ Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; OECD, Better Regulation Practices across the European Union, OECD Publishing, 2019.

¹⁶ World Bank, Governance and the Law, World Development Report, 2017.

¹⁷ OECD, Regulatory Policy Outlook, OECD Publishing, 2021.

¹⁸ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới; World Bank, Governance and the Law, World Development Report, 2017.

¹⁹ Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

²⁰ Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; World Bank, Governance and the Law, World Development Report, 2017.

²¹ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013; Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.

²² Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Võ Khánh Vinh, Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2025.

²³ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

²⁴ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

²⁵ Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

²⁶ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

²⁷ Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Ban chấp hành Trung ương (2022), Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 30/4/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.

Bộ Chính trị (2026), Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Quốc hội (2025). Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung 2020, 2025.

Quốc hội (2016), Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 ngày 19/4/2026.

Võ Khánh Vinh (2025), Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2025.

Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2020.

Võ Khánh Vinh (2025), Luật học và phương pháp luận nghiên cứu luật học, Giáo trình sau đại học, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2025.

Võ Khánh Vinh chủ biên và tác giả (2020), Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, Nxb. Khoa học xã hội, 2020, (Chuyên khảo).

Võ Khánh Vinh (2025), Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11+12/2025.

Võ Khánh Vinh(2026), Đổi mới tư duy thi hành pháp luật trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước: suy nghĩ bước đầu, Tạp chí Pháp lý, số 1+2/2026.

United Nations (1945), Charter of the United Nations.

United Nations (1966), International Covenant on Civil and Political Rights.

United Nations (2015), Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development.

World Bank (2017), Governance and the Law, World Development Report, Washington D.C.

OECD (2020), Digital Government Review, OECD Publishing, Paris.

OECD (2021), Regulatory Policy Outlook, OECD Publishing, Paris.

Cass R. Sunstein (2018), The Cost-Benefit Revolution, MIT Press.

Klaus Schwab (2016), The Fourth Industrial Revolution, World Economic Forum.

Ngày nhận bài: 2/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 30/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/4/2026

MODERNIZING VIETNAM'S LEGAL SYSTEM IN THE NEW DEVELOPMENT ERA

● VO KHANH VINH

Vietnam Academy of Social Sciences

ABSTRACT:

In the context of digital transformation, the knowledge economy, profound globalization, and the demands for rapid and sustainable national development, modernizing the legal system has become a strategically important requirement for the process of building a socialist rule of law state in Vietnam. Based on an analysis of the inherent modernity of the legal system, this study focuses on clarifying the criteria for evaluating the level of legal modernity, analyzing the current state of Vietnam's legal system, and proposing directions and solutions for modernizing the legal system in the new phase. Thus, this study contributes to clarifying the theoretical and practical basis for building a modern, synchronous, transparent, feasible, and adaptable Vietnamese legal system that meets the requirements of national development by 2030, with a vision to 2045.

Keywords: legal modernization, Vietnamese legal system, socialist rule of law, national governance, digital transformation, sustainable development, international integration, institutional reform.